

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2025
V/v Xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Công Út.
2. Ông Dương Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Thuộc T
hợp không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/02/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 16, khu phố Ba Hòn, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Ông **Võ Văn H**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 14, khu phố Ba Hòn, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Bà L có mặt, ông H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

Tôi với ông Võ Văn H chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Lúc đầu chung sống cũng có hạnh phúc nhưng về sau chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, trong sinh hoạt, nuôi dạy con cái. Chúng tôi cũng nhiều lần ngồi xuống tìm hướng giải quyết nhưng không thành. Chúng tôi đã ly thân hơn 10 năm nay, nhà ai nấy sống nhưng ông H vẫn đến kiếm chuyện gây sự đánh đập tôi. Vì vậy tôi xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Chúng tôi có 05 người con chung gồm Võ Văn T, sinh ngày: 05/12/1996; Võ Văn V, sinh ngày: 29/12/1998; Võ Văn T, sinh ngày: 28/11/2000;

Võ Văn K, sinh ngày: 22/02/2002; Võ Văn H, sinh ngày: 23/02/2007. Các cháu T, V, T, K đều đã trưởng thành nên tôi không có yêu cầu. Riêng cháu H tôi xin nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, về con chung đến nay tất cả các con đều đã T thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên tôi không có yêu cầu.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có.

- *Tại biên bản hòa giải ông Võ Văn H trình bày:*

Ông H với bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Có 05 đứa con gồm Võ Văn T, sinh ngày: 05/12/1996; Võ Văn V, sinh ngày: 29/12/1998; Võ Văn T, sinh ngày: 28/11/2000; Võ Văn K, sinh ngày: 22/02/2002; Võ Văn H, sinh ngày: 23/02/2007. Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, về cháu H muốn sống với ai là tùy cháu ông H không yêu cầu. Về nợ chung và tài sản chung thì không có nên không yêu cầu.

Do bà L chủ động ly hôn với tôi bà gửi đơn lên Tòa, vì vậy tôi mong tết này các con quay về K để các con biết được sự việc thì ông H sẽ quyết định sự việc ly hôn với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Võ Văn H có nơi cư trú tại khu phố Ba Hòn, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng, con chung thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L với ông Võ Văn H chung sống với nhau nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặt khác, cả bà L và ông H đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông H đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 9 quy định: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn”. Bà L và ông H là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của

Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 14 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này...*”. Xét thấy giữa bà L và ông H không có đăng ký kết hôn, nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 53 quy định: “*1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 2. Trong T hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

[4] Về con chung: Ông, bà có 05 người con chung gồm Võ Văn T, sinh ngày: 05/12/1996; Võ Văn V, sinh ngày: 29/12/1998; Võ Văn T, sinh ngày: 28/11/2000; Võ Văn K, sinh ngày: 22/02/2002; Võ Văn H, sinh ngày: 23/02/2007. Hiện tại các con đều đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do bà L có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 144, 146, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L với ông Võ Văn H.
- Về con chung: Tất cả các con đều đã T thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.
- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.
- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà L phải chịu số tiền án phí hôn nhân là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009292 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà L không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho